

THÀNH NHÀ BẦU (TUYÊN QUANG): TƯ LIỆU VÀ NHẬN THỨC

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

1. Khái quát chung

Thành cổ là một trong những đối tượng quan trọng trong nghiên cứu khảo cổ học. Việc nghiên cứu thành cổ góp phần tái hiện tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của quốc gia, dân tộc. Tư liệu từ việc nghiên cứu thành cổ có thể làm sáng tỏ những đặc điểm, đặc trưng về tổ chức chính trị, quân sự và kiến trúc đô thị cổ trong từng giai đoạn lịch sử. Ngoài ra, đó cũng là những tư liệu vật chất phản ánh trình độ, kỹ thuật xây dựng, nghệ thuật kiến trúc và tư duy quy hoạch không gian. Việc nghiên cứu các tòa thành cổ thông qua điều tra, khảo sát thực địa, thăm dò và khai quật tìm kiếm di tích, thu thập di vật còn giúp xác định niên đại tương đối và tuyệt đối từ đó góp phần bổ sung, điều chỉnh hoặc khẳng định các tư liệu sử học truyền thống. Ngoài ý nghĩa lớn về khoa học, kết quả nghiên cứu còn cung cấp tư liệu cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của di tích, góp phần giáo dục ý thức bảo vệ di sản, lòng tự hào dân tộc và khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Việc nghiên cứu về thành cổ từ thời kỳ dựng nước đến khi kết thúc chế độ phong kiến ở Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu to lớn. Kết quả nghiên cứu đã làm rõ phạm vi phân bố, cấu trúc, kỹ thuật xây dựng cũng như chức năng của các tòa thành cổ. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, quá trình đô thị hóa nhanh chóng cùng với việc xây dựng nhiều công trình kiến trúc mới đã làm mất dần dấu tích các tòa thành cổ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu khảo cổ học về di tích nói chung và thành cổ nói riêng, trong đó có hệ thống di tích thành nhà Bầu là điều hết sức cần thiết.

Vì là một thể lực cát cứ địa phương, không phải là một chính thể quân chủ chính thống, nên các chúa Bầu và hệ thống thành do họ xây dựng ít được đề cập trong các tài liệu lịch sử. Mặc dù vậy, đây lại là một hệ thống nhiều tòa thành do cùng một dòng họ thiết kế, xây dựng và sử dụng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu hệ thống thành này cung cấp tư liệu vật chất quý giá phục vụ việc nhận diện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước - thời kỳ phân tranh giữa Bắc triều (nhà Mạc) và Nam triều (nhà Lê Trung hưng). Những tư liệu thu được cũng góp phần làm sáng tỏ nhiều khía cạnh về lịch sử quân sự, kiến trúc thành lũy, kỹ thuật xây dựng, thủ công nghiệp và mỹ thuật đương thời.

Lịch sử các chúa Bầu, bắt đầu từ Vũ Văn Uyên và Vũ Văn Mật, người làng Ba Đông huyện Gia Phúc (Gia Lộc - Hải Dương) (Nguyễn Văn Siêu 2001: 426; Ngô Sỹ Liên 1993: 127; Lê Quý Đôn 2007: 414).

Vũ Văn Uyên đóng ở Liên Hoa nam thành Nghị Lang chống lại nhà Mạc (Nguyễn Văn Siêu 2001: 426). Sau khi cảm quân đi tiên phong cùng với quân Minh đánh quân Mạc, Vũ Văn Uyên nhận ra âm mưu lừa dối, lợi dụng cơ hội tiến quân cướp nước ta của quân Minh nên đã chủ động rút quân.

* Viện Khảo cổ học

Vũ Văn Uyên mất, em là Vũ Văn Mật lên thay, xưng là Gia quốc công (Ngô Sĩ Liên 1993: 127), được phong là An Tây vương, dời đóng ở Đại Đồng (Nguyễn Văn Siêu 2001: 427; Ngô Sĩ Liên: 133). Theo *Kiến văn tiểu lục* thì Vũ Văn Mật lúc bắt đầu dấy quân ở suối Khổng thuộc huyện Lập Thạch (Vĩnh Phúc), rồi lên đóng ở động Ngọc Uyển châu Thủy Vĩ, thu thập binh mã, kéo xuống Lục Yên và Thu Vật. Hồi đầu niên hiệu Nguyên Hòa (1533-1548) ra sức chống cự với nhà Mạc, tự đóng quân ở Đại Đồng, chia làm 11 doanh: Huyện Phú Yên có doanh Phú Yên; châu Thu Vật có doanh Yên Thắng; châu Lục Yên có doanh Yên Bắc; châu Vị Xuyên có các doanh Bình Di, Bình Man, Trấn Uy, Yên Biên và Nam Đương; châu Đại Man có doanh Nghi; châu Bảo Lạc có doanh Bắc Kiêm và Trung Mang. Vũ Văn Mật còn dâng biểu xin tự phong chức cho các tướng, chiếm cứ 3 phủ Lâm Thao, Đoan Hùng và Đà Dương thuộc trấn Sơn Tây, các huyện Phổ Yên và Đồng Hỷ thuộc trấn Thái Nguyên và châu Mai thuộc Hưng Hóa, thế quân hùng cường, sau bị nhà Mạc đánh phá, bèn bỏ thượng lộ Thái Nguyên, Sơn Tây rút quân về giữ ở Tuyên Quang (Lê Quý Đôn 2007: 414-415).

Vũ Văn Mật mất, con là Vũ Công Kỷ nối phong Nhân Quốc công. Vũ Công Kỷ mất, con là Vũ Đức Cung nối phong Hòa Quốc công, dời về đóng ở thành Nghị Lang. Vũ Đức Cung mất, con là Vũ Công Ứng nối phong Thụy Quận công. Vũ Công Ứng mất, con là Vũ Công Sực nối phong Tổng Quận công, bị bộ tướng là Ma Phúc Tường giết. Con của Vũ Công Sực là Vũ Công Tuấn được phong làm Khoan Quận vương, giữ ở Kinh sư. Vũ Công Tuấn không theo nhà Lê mà ngầm thông với con cháu họ Mạc làm phản và theo hàng nhà Thanh, xưng là Tiểu Giao động vương. Vũ Công Tuấn bị người dân Quảng Nam (thuộc tỉnh Vân Nam - Trung Quốc) bắt đem nộp và bị giết (Nguyễn Văn Siêu 2001: 426-428), kết thúc hoạt động của các chúa Bầu.

“Thành nhà Bầu” là tên gọi chung cho **hệ thống các tòa thành** do dòng họ Vũ, mà đứng đầu là hai anh em Vũ Văn Uyên và Vũ Văn Mật khởi dựng. Các tòa thành gồm:

- **Thành Nghị Lang:** Thành được khởi dựng bởi Vũ Văn Uyên, sau đó được Vũ Văn Mật kế thừa. Theo Nguyễn Văn Siêu trong *Phương đình dư địa chí* thì không rõ thành nằm ở đâu, chỉ biết ở đây có bến Liên Hoa và có lẽ đã mất vào tỉnh Vân Nam (Nguyễn Văn Siêu 2001: 427). Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn ghi: “ở địa phận xã Lương Sơn, châu Lục Yên. Lúc nhà Lê bắt đầu trung hưng, Vũ Văn Uyên là anh Vũ Văn Mật chiếm cứ ở đây để chống cự với nhà Mạc gọi là thành Nghị Lang, cũng gọi là phủ Bầu, lại gọi là thành Bầu. Cây cối xanh tốt, nay còn nền cũ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006: 411).

- **Thành Việt Tĩnh:** *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “ở địa phận xã Diên Gia, châu Thu, cũng do Vũ Văn Mật đắp. Mặt trước trông ra sông, cũng còn nền cũ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006: 411). Thành được đề cập một cách khái quát trong sách *Thành cổ Việt Nam* của tác giả Đỗ Văn Ninh (Đỗ Văn Ninh 1983: 117-185) hay *Khảo cổ học Việt Nam, tập III, Khảo cổ học lịch sử Việt Nam* do Giáo sư Hà Văn Tấn chủ biên (Hà Văn Tấn 2002: 199). Theo nghiên cứu, thành hình đa giác có nhiều cạnh tường như một mỏ chim. Chu vi tường thành 1.385m. Tường thành cao 2,3m, mặt tường rộng 3m, chân tường rộng 9m. Tường thành đều được đắp bằng đất, chỉ có phần cửa có đá hoặc gạch ốp tường. Không phải tất cả các đoạn tường thành đều có ngoại hào. Đoạn hào phía Tây Bắc được đào sát chân thành rộng 10m. Mặt Bắc đã dùng ngay con sông Chảy làm ngoại hào tự nhiên. Thành mở 4 cửa: Bắc, Nam, Đông, Tây. Các cửa đều không được mở ở giữa tường thành. Cửa phía Đông và cửa Tiền mở xuống sông Chảy. Hiện nay, thành Việt Tĩnh đã chìm sâu trong lòng hồ thủy điện Thác Bà nên việc nghiên cứu là vô cùng khó khăn.

- **Thành Cát Tường:** *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “ở địa phận xã Kháng Vân, châu Lục Yên. Tương truyền thành này do Vũ Văn Mật đắp, bốn mặt đều rừng rậm, ở giữa bằng phẳng, rộng rãi, cách với dân cư, cũng gọi là thành Bàu. Nay bỏ, nền cũ vẫn còn” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006: 411).

- **Thành Bắc Pha:** *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “ở địa phận xã Đà Dương, châu Lục Yên, do Vũ Văn Mật đắp. Nhân núi làm thành, ngoài thành có núi bao bọc, tục gọi thành Đà, cũng gọi thành Bàu. Nền cũ vẫn còn, nay là phố Bắc Pha” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006: 411). Theo khảo sát của Bảo tàng Yên Bái, thành thuộc bản Rạng, bản Pác Pha, xã Minh Xuân và thôn 14, 15... xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (Bảo tàng Yên Bái 2013).

- **Thành Bình Ca:** *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “ở địa phận xã Bình Ca, huyện Hàm Yên, do Vũ Văn Mật đắp, chu vi hơn 40 trượng, ở giữa có 1 miếu cổ với 2 pho tượng bằng đá, nay đất và gạch còn chồng chất” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006: 411). Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* ghi: “xứ Dơi Cò và phủ Bãi, thuộc xã Thúc Thủy, huyện Phú Yên, có thành cũ của Gia Quốc công, trong thành ruộng phẳng đất rộng, nay đều bỏ rậm là hầm hồ của hùm beo, đạn đá to bằng quả cam không biết bao nhiêu mà kể” (Lê Quý Đôn 2007: 414). Thành nay thuộc thôn Tân Thành, xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Kết quả nghiên cứu khảo cổ học thành nhà Bàu (Tuyên Quang)

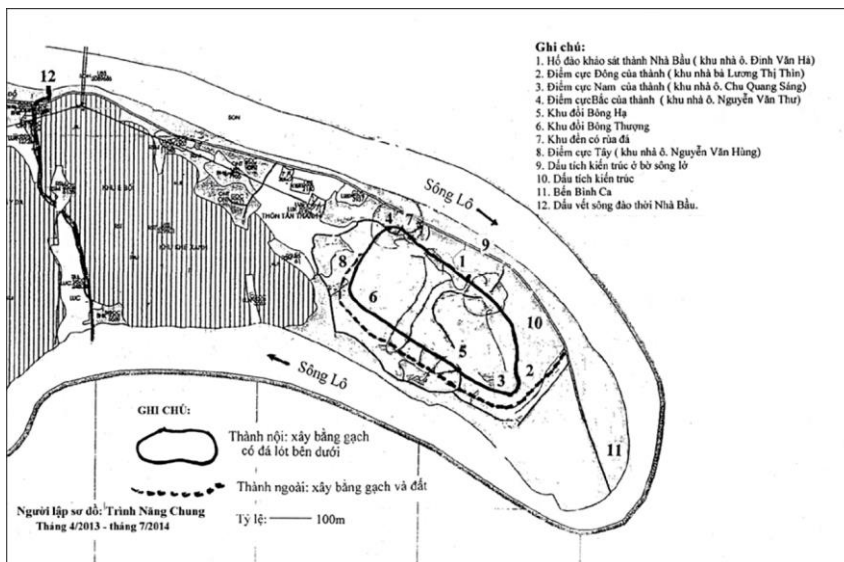
2.1. Kết quả nghiên cứu di tích

- Năm 1995, Viện Khảo cổ học đã tiến hành khảo sát di tích và phát hiện một số đoạn tường thành vẫn còn ăn sâu trong sườn đồi. Tại một khu vực bằng phẳng (nhà ông Trần Văn Hòa) phần chân tường là hai hàng gạch chạy song song, cách nhau 6m, mỗi hàng gạch dày 0,4m. Tại khu vực chân đồi nhà ông Nguyễn Văn Thư có một hàng gạch, dày 0,4m. Ở phần phía Đông, nơi tiếp giáp với bên Bình Ca có dấu tích của hai vòng thành, vòng trong cách vòng ngoài khoảng 50m. Trên đỉnh đồi Bông Thượng có một khu vực bằng phẳng, rộng khoảng 1.000m², đã phát hiện dấu tích nhà ở với phần móng tường hình chữ nhật, rộng khoảng 100m², xây bằng loại gạch xây thành nhưng có kích thước nhỏ hơn. Ngoài ra còn có một số mảnh ngói và gốm sứ thời Lê cũng tìm thấy ở khu vực này. Tại khu vực sườn phía Bắc quả đồi tìm thấy nhiều viên đá lát đường (0,8 x 0,5 x 0,3)m. Người dân còn cho biết một dải đường đá lát theo kiểu bậc thang từ chân đồi lên đến đỉnh đồi. Khu vực sườn phía Đông tìm thấy nhiều đạn đá với các kích cỡ khác nhau. Người dân cũng cho biết thêm khu vực này còn tìm thấy cả súng thần công trên bãi khá bằng phẳng lát đá. Quá trình khảo sát cũng phát hiện các đoạn sông đào dở dang giữa các khe của 2 quả đồi (Trình Năng Chung, Bùi Vinh 1996: 195-197).

- Năm 2013, Viện Khảo cổ học phối hợp với Bảo tàng tỉnh Tuyên Quang tiến hành điều tra và thám sát di tích. Kết quả khảo sát cho thấy diện tích thành rộng khoảng 9ha. Tại khu vực sườn phía Đông Bắc đồi Bông Thượng phát hiện nhiều gạch vồ, gạch lát, ngói mũi nhọn... trong một khoảng đất khá bằng phẳng. Ở sườn phía Bắc phát hiện nhiều đạn đá, loại hình hiện vật này cũng tìm thấy tại khu vực đồi Bông Hạ.

Trong đợt nghiên cứu này, lần đầu tiên di tích được thám sát với diện tích 7,6m² (2 x 3,8)m, tại khu vườn nhà ông Đình Văn Hà. Hồ thám sát cắt ngang thân một đoạn thành. Ở độ sâu 1,8m đã phát hiện chân tường thành với 2 hàng đá chạy song song. Mép ngoài hai hàng đá cách nhau 3,4m.

Đá được đặt ngay trên bề mặt sinh thổ. Bên trên đá là hàng gạch vồ, xếp xen kẽ một hàng ngang và hai hàng dọc. Việc xây dựng không sử dụng chất kết dính. Đất được nhồi giữa hai hàng gạch. Dựa vào đoạn tường bằng gạch (1,6m) đổ ập vào trong lòng thành và so sánh với thành Việt Tỉnh, những người khai quật ước tính tường thành có thể cao hơn 2m, mặt thành rộng gần 3m. Báo cáo điều tra còn cho biết, khoảng cuối năm 2012, gia đình ông Chu Quang Sáng khi xây dựng nhà cửa đã làm xuất lộ một đoạn thành ở độ sâu 0,5m. Bên trên là gạch vồ, xếp thành dãy dọc chạy dài theo khuôn đất. Đến độ sâu gần 1m bắt gặp hàng đá tảng đẽo khối chữ nhật xếp nối nhau nằm bên dưới dãy gạch vồ. Quá trình điều tra và thám sát cũng đã phát hiện nhiều hiện vật như: đạn đá, gạch vồ, gạch lát nền, đá lát chân thành, gốm sứ, sành, đồ kim loại (lưỡi dao, kiếm, mũi lao búp đa, đinh ba...). Đo vẽ với sự trợ giúp của máy GPS, đoàn nghiên cứu đã xây dựng sơ đồ gồm 2 vòng thành: Thành nội và thành ngoại. Trong đó, thành nội có chiều dài khoảng hơn 1.200m; thành ngoại chạy bao bọc phần phía Tây Nam và Đông Bắc thành nội (Hình 1). Ngoài ra dấu phía Đông thành - nơi hướng ra bến Bình Ca. Những người khảo sát cho rằng đó có thể là khu nhà ở của quan quân nhà Bầu. Khu vực đền miếu, sông đào và Trường thi cũng được khảo sát và định vị (Trình Năng Chung, Lý Mạnh Thắng 2014; Trình Năng Chung 2021: 59-74).



Hình 1. Thành nhà Bầu qua kết quả điều tra năm 2013

(Nguồn: Trình Năng Chung)

gạch vồ. Quá trình điều tra và thám sát cũng đã phát hiện nhiều hiện vật như: đạn đá, gạch vồ, gạch lát nền, đá lát chân thành, gốm sứ, sành, đồ kim loại (lưỡi dao, kiếm, mũi lao búp đa, đinh ba...). Đo vẽ với sự trợ giúp của máy GPS, đoàn nghiên cứu đã xây dựng sơ đồ gồm 2 vòng thành: Thành nội và thành ngoại. Trong đó, thành nội có chiều dài khoảng hơn 1.200m; thành ngoại chạy bao bọc phần phía Tây Nam và Đông Bắc thành nội (Hình 1). Ngoài ra dấu phía Đông thành - nơi hướng ra bến Bình Ca. Những người khảo sát cho rằng đó có thể là khu nhà ở của quan quân nhà Bầu. Khu vực đền miếu, sông đào và Trường thi cũng được khảo sát và định vị (Trình Năng Chung, Lý Mạnh Thắng 2014; Trình Năng Chung 2021: 59-74).

- Năm 2024, Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Tuyên Quang phối hợp khai quật 5 hố, tổng diện tích 20m², mỗi hố 4m² (Lý Mạnh Thắng, Trần Văn Xuyên, Nguyễn Đức Bình 2025) (Hình 2).



Hình 2. Vị trí các hố khai quật năm 2024

(Nguồn: Tác giả, bản đồ nền Google Earth)

+ Hố 1 (TNB.2024.H1) và hố 2

(TNB.2024.H2) mở tại vườn nhà ông Nguyễn Văn Thư, cách nhau 5,4m theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Cả hai hố đều phát hiện hai hàng đá xếp song song, mép ngoài cách nhau là 3,6m, nằm theo chiều dốc tự nhiên của sườn đồi. Các phiến đá có chiều rộng từ 0,49 - 0,52m, độ dày từ 0,15 - 0,23m.

Mặc dù chưa tiến hành khai quật nối liền hai hố, song căn cứ vào hiện trạng địa tầng và hướng phân bố, có thể nhận định rằng hai hàng đá phát hiện tại hố 1 và hố 2 có khả năng nối liền với nhau (*Hình 3, 4*).

+ Hố khai quật số 3 (TNB.2024.H3) mở tại vườn nhà bà Phạm Thị Khoan. Tại độ sâu 0,2m so với mặt đất hiện tại, phát hiện một hàng gồm ba phiến đá xếp theo trục Tây Bắc - Đông Nam. Cạnh phẳng của các phiến đá được bố trí quay ra phía Đông Bắc. Bên trên hàng đá là lớp lát nền bằng gạch vỡ, bắt đầu từ khoảng giữa hàng đá (cách mép ngoài 20cm) và tiếp tục kéo dài về phía Tây Nam.



**Hình 3. Hàng đá
hố TNB.2024.H1**



**Hình 4. Hàng đá
hố TNB.2024.H2**

(Nguồn: Tác giả)

Bên dưới lớp gạch lát là lớp đất sét trộn lẫn mảnh gạch vỡ tạo mặt bằng trước khi tiến hành lát gạch. Toàn bộ lớp lát sử dụng gạch vỡ, phần lớn là gạch còn nguyên vẹn nhưng đã bị vỡ nứt do tác động của các giai đoạn sử dụng và biến động địa tầng về sau. Gạch có kích thước phổ biến: dài 36-40cm, rộng 16-17,5cm, dày 13-13,5cm (*Hình 5*).

Ngoài hố khai quật chính, chúng tôi tiến hành mở thêm hai hố thám sát nhỏ ở phía Tây Bắc nhằm tìm hiểu sự phát triển của hàng đá nói trên.

Hố thám sát thứ nhất (TNB.2024.TS1), cách hố TNB.2024.H3 khoảng 9,04m, diện tích 1m². Trong hố này, phát hiện hai phiến đá xếp thẳng hàng theo trục Tây Bắc - Đông Nam: phiến đá phía Tây Bắc mới lộ dài 0,84m, rộng 0,54m; phiến đá phía Đông Nam mới lộ 0,11m, rộng 0,5m (*Hình 6*).

Hố thám sát thứ hai (TNB.2024.TS2), nằm tiếp tục về phía Tây Bắc, cách hố TS1 khoảng 5,4m. Tại đây cũng phát hiện hai phiến đá xếp thẳng hàng theo cùng trục Tây Bắc - Đông Nam. Phần xuất lộ phiến đá phía Tây Bắc dài 0,43m, rộng 0,51m; phiến đá phía Đông Nam lộ dài 0,46m, rộng 0,53m. Trên bề mặt phiến đá phía Đông Nam còn đặt một viên gạch vỡ theo phương trùng với trục hàng đá (*Hình 7*).



**Hình 5. Hàng đá và nền lát gạch
hố TNB.2024.H3**



**Hình 6. Hàng đá
hố TNB.2024.TS1**



**Hình 7. Hàng đá
hố TNB.2024.TS2**

(Nguồn: Tác giả)

Cách thức sắp xếp đá trong hai hố thám sát tương đồng với hàng đá phát hiện tại hố TNB.2024.H3. Dùng cọc sắt dò sâu trong lòng đất, chúng tôi xác định rằng các phiến đá trong hố khai quật số 3 và hai hố thám sát nối liền thành một hàng đá liên tục.

Để kiểm tra khả năng tồn tại của hàng đá thứ hai (tương tự như đã phát hiện tại hố TNB.2024.H1 và H2), chúng tôi mở rộng hố thám sát TS2 về phía Đông Bắc và Tây Nam, mỗi bên 5m. Tuy nhiên, kết quả cho thấy không xuất lộ dấu vết của hàng đá thứ hai tại khu vực này.

+ Hố khai quật số 4 (TNB.2024.H4) được mở tại khu vực vườn nhà ông Chu Quang Sáng. Trong phạm vi hố đã xuất lộ hai hàng đá xếp song song nhau theo trục Tây Bắc - Đông Nam, cách nhau 3,32m (tính theo mép ngoài).

Hàng đá phía Đông Bắc gồm hai phiến đá: phiến phía Tây Bắc đã lộ hoàn toàn, có kích thước dài 0,74m, rộng 0,42m, dày 0,23m; phiến phía Đông Nam mới lộ một phần, dài 0,21m, dày 0,21m. Trên mặt hàng đá này, phát hiện ba viên gạch vồ xếp thẳng hàng theo chiều dọc trục hàng đá. Mép ngoài của hàng gạch (về phía Đông) cách mép ngoài của hàng đá 17cm.

Hàng phía Tây Nam chỉ mới xuất lộ một phiến đá, có kích thước dài 79cm, rộng 52cm, dày 20cm. Hai hàng đá này đều có mặt trên và cạnh ngoài được gia công tương đối phẳng nhẵn; các cạnh ngoài được xếp thẳng hàng, thể hiện kỹ thuật chế tác và lắp đặt cẩn trọng (Hình 8).

+ Hố khai quật số 5 (TNB.2024.H5) được mở tại khu vực vườn hộ gia đình bà Lương Thị Sâm. Trong hố xuất lộ một hàng đá chạy theo trục Bắc - Nam, gồm hai phiến đá. Phiến phía Bắc mới lộ một phần, kích thước phần lộ dài 70cm, rộng 48cm, dày 20cm. Phiến phía Nam đã lộ hoàn toàn, dài 75cm, rộng 51cm, dày 19cm (Hình 9).



Hình 8. Hàng đá hố TNB.2024.H4



Hình 9. Hàng đá hố TNB.2024.H5

(Nguồn: Tác giả)

Ngoài ra, ở phía Nam hố có phiến đá lớn, dài 45cm, rộng 49cm, dày 20cm. Căn cứ vào vị trí và hướng xếp, nhiều khả năng phiến đá này là phần nối tiếp với hàng đá trong hố khai quật.

- Năm 2025, Viện Khảo cổ học và Bảo tàng tỉnh Tuyên Quang tiếp tục phối hợp khai quật với 3 hố, tổng diện tích 48m², mỗi hố 16m² (Hình 10).

+ Hố 1 (TNB.2025.H1) được mở tại khu vực vườn nhà ông Nguyễn Văn Thụ, nằm về phía Tây Nam và cách hố 1 năm 2024 là 9,1m. Trong phạm vi hố khai quật đã xuất lộ hai hàng đá nằm song song, chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Mép ngoài hai hàng đá cách nhau trung bình 3,5m. Phần mặt trên và cạnh ngoài đá được chế tác khá phẳng nhẵn. Các cạnh bên ngoài xếp thẳng hàng nhau (Hình 11).

Hàng đá phía Tây Bắc xuất lộ 7 phiến đá, trong đó 2 phiến đá còn nằm một phần trong vách hố. Các phiến đá xuất lộ đầy đủ dài từ 0,55-0,72m, rộng 0,4-0,5m. Hàng phía Đông Nam xuất lộ 6 phiến đá, trong đó có 2 phiến đá còn nằm một phần trong vách hố. Các phiến đá xuất lộ đầy đủ dài từ 0,7-0,75m, rộng 0,47-0,62m. Hiện trạng cho thấy hai hàng đá này sẽ nối liền với các hàng đá ở hố 1 và 2 khai quật năm 2024.



Hình 10. Vị trí các hố khai quật năm 2025

(Nguồn: Tác giả, bản đồ nền Google Earth)



Hình 11. Hàng đá và nền lát gạch

hố TNB.2025.H1(Nguồn: Tác giả)

Bên trên hàng đá phía Tây Bắc có một số gạch vồ lát giống như ở hố 3 năm 2024. Kích thước đoạn gạch lát theo chiều Đông Bắc - Tây Nam 1,68m, chiều Tây Bắc - Đông Nam 0,92m.

Ngoài ra, khoảng giữa hai hàng đá cũng có một mảng gạch lát tương tự, chiều Đông Bắc - Tây Nam 1,87m, chiều Tây Bắc - Đông Nam 0,73m.

Hai mảng gạch lát nằm cách nhau 0,78m. Có lẽ hai mảng gạch này được lát liền với nhau, và có thể nằm đè cả lên hàng đá phía Đông Nam, nhưng đã bị phá hủy một phần vào thời sau. Việc xây dựng không dùng chất kết dính.

+ Hố 2 (TNB.2025.H2) được mở trong khu vườn của hộ gia đình bà Phạm Thị Khoan. Hố này là phần mở rộng về phía Nam và phía Tây của hố TNB.2024.H3. Do đó, di tích trong hố 2 là sự tiếp nối trực tiếp của di tích đã được phát hiện trong đợt khai quật năm 2024. Tổng chiều dài của hàng đá qua hai hố khai quật (TNB.2024.H3 và TNB.2025.H2) là 5,33m (Hình 12). Tổng chiều dài mảng gạch lát hướng Tây Bắc - Đông Nam 3,44m và rộng 2,47m theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Phần hố phía Tây Nam, tuy không còn thấy rõ lớp gạch lát, nhưng xuất hiện rải rác một số viên gạch vồ nằm lộn xộn phía trên lớp nền được gia cố bằng đất sét trộn gạch vồ đầm nén kỹ. Như vậy, phần nền này có khả năng bắt đầu từ mép trong của hàng đá và tiếp tục kéo dài về phía Tây Nam. Tuy nhiên, do diện tích khai quật còn hạn chế nên giới hạn phạm vi của lớp nền vẫn chưa thể xác định chính xác.

Trong phạm vi hố khai quật chỉ thấy xuất lộ một hàng đá. Hiện trạng trong hố khai quật, kết hợp với kết quả thám sát năm 2024, cho thấy tại khu vực này chân tường có thể chỉ được gia cố bằng một hàng đá phía bên ngoài.

+ Hố khai quật TNB.2025.H3 được mở tại khu vực vườn hộ gia đình bà Lương Thị Sâm. Đây là hố mở rộng từ hố TNB.2024.H5, theo hướng Tây và Nam.

Tại độ sâu từ 0,05m đến 0,1m so với lớp mặt hiện tại,



Hình 12. Hàng đá và nền lát gạch
hố TNB.2025.H2



Hình 13. Mặt bằng hố TNB.2025.H3

(Nguồn: Tác giả)

xuất lộ một lớp đất pha lẫn nhiều sỏi và cuội. Bề mặt lớp sỏi, cuội tương đối phẳng, có xu hướng dốc nhẹ từ Tây Nam xuống Đông Bắc. Lớp đất chứa sỏi, cuội này nằm cách mép hàng đá đã xuất lộ khoảng 1,78m về phía Tây Nam. Các viên sỏi, cuội có kích thước và hình dáng đa dạng (Hình 13).

Nhằm kiểm tra địa tầng và tìm kiếm dấu tích hàng đá kè thứ hai, chúng tôi đã đào một rãnh kiểm tra ở phía Tây Bắc của hố khai quật. Rãnh có chiều dài 7,85m (theo hướng Đông Bắc - Tây Nam), chiều rộng 1m (theo hướng Tây Bắc - Đông Nam). Mặt cắt rãnh kiểm tra cho thấy:

Lớp đất lẫn sỏi, cuội có bề dày lớn nhất ở phía Tây Nam (1,2m), mỏng dần về phía Đông Bắc (0,88m). Sự chênh lệch này nhiều khả năng là kết quả của các hoạt động canh tác và xây dựng trong các giai đoạn muộn hơn. Trong khoảng 0,5m đầu của lớp này, sỏi và cuội phân bố dày đặc, trong khi phần dưới có mật độ thưa hơn. Đường kính các viên sỏi, cuội dao động từ 0,5 - 20cm. Lớp này hoàn toàn không phát hiện mảnh vật liệu kiến trúc hay đồ dùng sinh hoạt.

Khu vực chuyển tiếp từ mép hàng đá đến lớp sỏi, cuội là một lớp dày đặc mảnh gạch và ngói vỡ. Lớp gạch, ngói này có bề dày dao động từ 0,4m (phía Đông Bắc) đến 0,88m (phía Tây Nam), theo độ dốc địa hình sườn đồi. Gạch bao gồm cả gạch vồ và gạch lát; ngói đều là loại ngói mũi nhọn, có móc cài được vuốt ấn bằng hai ngón tay. Độ dày thân ngói có sự dao động nhất định.

Mặc dù đã đào rãnh cắt ngang hàng đá kè theo cả hai hướng Đông Bắc và Tây Nam, với độ sâu vượt qua mặt đáy của hàng đá, nhưng không phát hiện dấu tích hàng đá thứ hai. Do đó, có thể đoán định rằng, tại khu vực này nhiều khả năng chỉ tồn tại một hàng đá kè chân thành, tương tự như đã xác định tại hố TNB.2025.H2 (vườn nhà bà Phạm Thị Khoan).

2.2. Kết quả nghiên cứu di vật

Tổng cộng có 2.727 hiện vật đã được chúng tôi nghiên cứu, phân loại và chỉnh lý. Đây là sưu tập hiện vật thu thập được từ các đợt điều tra, thám sát và khai quật tại di tích. Một phần hiện vật hiện đang được lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng Tuyên Quang, một phần khác được bảo tồn tại khu vực di tích. Tuy số lượng hiện vật đã nghiên cứu tương đối lớn, song đây chỉ là một phần rất nhỏ so với khối lượng hiện vật vẫn đang được bảo tồn tại di tích mà chưa được sưu tầm, nghiên cứu, cũng như số hiện vật đã thất lạc hoặc bị bán đi nơi khác.

2.2.1. Vật liệu kiến trúc

Tổng số có 662 hiện vật, gồm:

* Gạch: Tổng số có 516 hiện vật, gồm các loại gạch sau:

- Loại 1 - gạch vồ: Gạch hình khối chữ nhật, bề mặt và mặt cắt ngang thân hình chữ nhật, chiều rộng và chiều dày chênh lệch không lớn (từ 1 - 6cm). Bề mặt gạch tương đối phẳng nhẵn, các cạnh vuông vức, góc sắc. Xương màu đỏ, đanh chắc do được nung ở nhiệt độ cao, khá mịn do đất được lọc kỹ, một số viên trong xương có các hạt sạn màu đỏ hoặc đen (Hình 14).



Hình 14. Gạch vồ
(Nguồn: Tác giả)

Đây là loại gạch chiếm số lượng lớn nhất, với 503 hiện vật. Kích thước gạch khá đa dạng, với độ dày dao động từ 10 - 18cm, chiều rộng từ 14 - 20cm và chiều dài từ 32,5 - 47cm.

Trong quá trình phân loại, chúng tôi lựa chọn độ dày làm tiêu chí chính. Bởi vì, thông số này phản ánh rõ sự khác biệt giữa các nhóm gạch. Đồng thời, nó phù hợp với hiện trạng hiện vật đang nằm rải rác quanh di tích - nhiều mảnh gạch bị vỡ, không xác định được chiều dài.

Theo đó, gạch vồ được chia thành các kiểu sau: Loại 1 kiểu 1 (L1K1): dày 10cm, chiều rộng 13,5 - 14cm, chiều dài 34,5 - 35,5cm; L1K2: dày 11 - 11,5cm, chiều rộng 15 - 17cm, chiều dài 34 - 38,5cm; L1K3: dày 12 - 12,5cm, chiều rộng 13,5 - 18cm, chiều dài 33 - 39cm; L1K4: dày 13 - 14cm, chiều rộng 14 - 17cm, chiều dài 34,5 - 39cm; L1K5: dày 15 - 15,5cm, chiều rộng 16 - 19cm, chiều dài 34 - 45cm; L1K6: dày 16 - 16,5cm, chiều rộng 16,5 - 19,3cm, chiều dài 41 - 45cm; L1K7: dày 17 - 17,5cm, chiều rộng 18 - 18,5cm, chiều dài 43,5 - 45cm; L1K8: dày 18cm, chiều rộng 20cm, chiều dài 47cm.

- Loại 2 - gạch bia: Gạch hình khối chữ nhật dẹt, bề mặt và mặt cắt ngang thân đều hình chữ nhật, nhưng có sự chênh lệch lớn giữa chiều rộng và độ dày (12,7-13cm) - khác hẳn với loại gạch vồ. Bề mặt gạch tương đối phẳng nhẵn, các cạnh vuông vức, góc sắc (*Hình 15*). Xương màu đỏ, đánh chắc, mịn hơn so với gạch vồ.

Loại này mới có 2 hiện vật được tìm thấy. Dựa vào độ dày, gạch được chia thành 2 kiểu: L2K1 - dày 2,9cm; hiện vật mang ký hiệu TNB.2024.ST11. Gạch còn nguyên, không trang trí hoa văn. Chiều dài 23cm, chiều rộng 15,6cm, độ dày 2,9cm. L2K2 - dày 5cm, hiện vật ký hiệu TNB.2025.H1.VL05. Gạch bị vỡ, phần còn lại dài 19cm, chiều rộng 18cm, độ dày 5cm.



Hình 15. Gạch bia

- Loại 3 - gạch vuông: Gạch hình khối chữ nhật dẹt, bề mặt gạch hình vuông hoặc gần vuông, mặt cắt ngang thân vẫn là hình chữ nhật nhưng có chênh lệch lớn giữa chiều rộng và độ dày. Bề mặt gạch tương đối phẳng nhẵn, vuông thành sắc cạnh. Xương màu đỏ, đánh chắc, mịn giống như gạch bia.



Hình 16. Gạch vuông

(Nguồn: Tác giả)

Tổng số có 11 hiện vật được tìm thấy. Dựa vào độ dày gạch được chia thành 4 kiểu: L3K1 - độ dày 4,5 - 5,5cm; L3K2 - độ dày 7cm; L3K3 - độ dày 8 - 8,5cm; L3K4 - độ dày 10cm. Hiện vật tiêu biểu tìm được trong hố TNB.2024.H5, thuộc L3K3. Gạch còn đủ dáng, bị vỡ một phần ở góc; chiều dài 39,5cm, chiều rộng 39cm, dày 8cm (*Hình 16*).

Ngoài ra, tại hố khai quật TNB.2025.H2 đã phát hiện một mảnh gạch có xương màu xám. Đây là hiện vật duy nhất loại này được ghi nhận trong toàn bộ quá trình điều tra, thám sát và khai quật tại di tích. Hiện vật ký hiệu TNB.2025.H2.VL04, đã bị vỡ, chỉ còn lại một phần nhỏ. Kích thước phần còn lại: dài 20,5cm, rộng 15,5cm, dày 5,2cm. Do mảnh gạch không còn đủ chiều dài và chiều rộng nên chưa thể xác định chính xác thuộc Loại 2 hay Loại 3.

* Ngói: Tổng số có 146 hiện vật được tìm thấy. Tất cả đều là mảnh mũi, thân hoặc móc cài; chưa tìm thấy hiện vật còn đủ dáng. Ngói màu đỏ, xương khá đánh chắc, trong xương có lẫn ít sạn sỏi màu đen. Ngói có 2 loại:

- Loại 1 - ngói phẳng: Tổng số có 144 hiện vật. Dựa vào độ dày thân, ngói được chia thành 3 kiểu: L1K1 - độ dày 0,5 đến <1cm; L1K2 - độ dày 1 đến <1,5cm; L1K3 - độ dày 1,5 - 2cm. Do không

có hiện vật còn đủ dáng nên chiều dài ngói chưa thể xác định. Tuy nhiên, có 1 mảnh mũi ngói ký hiệu TNB.2025.H3.VL10 còn đủ chiều rộng đo được là 15,5cm (Hình 17). Phần móc cài đều được tạo hình bởi kỹ thuật ấn vuốt bằng hai ngón tay. Tại vị trí tiếp giáp giữa móc cài và mặt dưới ngói có các vết vuốt bằng hai ngón tay, cho thấy dấu tích kỹ thuật tạo hình thủ công điển hình (Hình 18).

- Loại 2 - ngói cong: Loại này mới tìm thấy 2 mảnh thân. Hiện vật tiêu biểu ký hiệu TNB.2025.ST.VL02: Chiều dài còn lại 11,5cm, chiều rộng còn lại 10,5cm, dày 1cm (Hình 19).



Hình 17. Mảnh mũi ngói mũi nhọn



Hình 18. Mảnh đuôi ngói mũi nhọn
(Nguồn: Tác giả)



Hình 19. Mảnh thân ngói cong

2.2.2. Trang trí kiến trúc

Số lượng hiện vật trang trí kiến trúc thu được rất ít, mới chỉ ghi nhận 2 hiện vật, bao gồm:

- Hiện vật ký hiệu TNB.2024.ST10, sưu tầm tại nhà ông Nguyễn Văn Thư, còn gần nguyên, chỉ bị nứt nhỏ ở cạnh. Hiện vật hình khối chữ nhật dẹt, bề mặt và mặt cắt ngang thân hình chữ nhật. Đây là loại hình thường được gọi là gạch thối.

Hoa văn trang trí trên một mặt gạch. Bao xung quanh khối hoa văn là đường gờ nổi khép kín, đồng thời cũng chính là mép của viên gạch. Phía trong đường gờ bao ngoài là một đường gờ thứ hai nhằm giới hạn không gian trang trí. Bên trong đường gờ thứ hai này tạo nổi văn hình hoa dây mềm mại. Gạch màu đỏ tươi, xương khá mịn và đánh chắc. Kích thước: chiều dài 25cm, chiều rộng 8,2cm, độ dày 4,5cm (Hình 20).

- Hiện vật thứ hai ký hiệu TNB.2025.ST.VL01, được sưu tầm ở khu vực vườn nhà bà Lương Thị Sâm. Hiện vật bị vỡ, chỉ còn lại một phần nhỏ nên không xác định được loại hình chính xác. Hình dáng còn lại là một khối dẹt, hai mặt tạo phẳng, một bên cạnh tạo đường uốn lượn. Hoa văn được trang trí trên một mặt, bằng các đường chỉ chìm, tạo hình uốn cong mềm mại. Kích thước: chiều dài còn lại 5,5cm, chiều rộng còn lại 11,5cm, độ dày 2,5cm (Hình 21).

2.2.3. Đồ dùng sinh hoạt

Tổng số có 181 hiện vật được tìm thấy, gồm 2 chất liệu là: Gốm sứ và sành.

* Gốm sứ: Có 13 hiện vật tìm thấy.

- Gốm sứ thời Lê - Mạc: Gốm sứ giai đoạn này chiếm số lượng tuyệt đối (12/13 hiện vật). Loại hình được xác định gồm bát, đĩa và bình. Trong đó có 6 hiện vật còn đáng thuộc loại hình bát và đĩa.



Hình 20. Gạch trang trí hoa văn



Hình 21. Mảnh trang trí hoa văn
(Nguồn: Tác giả)

+ Bát TNB.2025.H2.Gm02: Vỡ còn một phần nhưng vẫn đủ dáng. Bát loại nhỏ, miệng loe, sâu lòng, chân đế cao. Gốm men trắng vẽ lam. Miệng loe ngả, mép miệng vuốt tròn. Thành loe cong. Chân đế cao, mặt cắt chân đế hình thang, mép chân đế cắt tròn. Xương màu trắng xám, đánh chắc, mịn. Men màu trắng xám, rạn nhỏ, phủ kín lòng, thành ngoài và nửa trên thành ngoài chân đế. Thành trong trang trí hai đường chỉ lam, 1 đường ở gần mép miệng và 1 đường ở phần thân giáp đáy. Đường kính miệng 12cm, đường kính mép ngoài chân đế 6cm, chiều cao 4,2cm. Đáy không có vết chôn nung (*Hình 22*).

+ Bát TNB.2025.H3.Gm01: Vỡ chỉ còn một phần song vẫn đủ dáng. Miệng bát loe vát, mép miệng vuốt tròn đều. Thành loe vát. Chân đế thấp, mặt cắt chân đế hình thang, mép chân đế cắt gần phẳng. Xương màu trắng xám, chắc, mịn. Men màu trắng xám, rạn nhỏ, phủ kín lòng, thành ngoài và thành ngoài chân đế. Mép, thành trong chân đế và lòng đế để mộc. Khoảng giữa thành trong in nổi bông hoa 8 cánh, giữa có nhụy tròn. Đáy bát còn lại 2 dấu chân con kê. Đường kính miệng 10,26cm, đường kính mép ngoài chân đế 6,7cm, chiều cao 5cm, chiều cao thành ngoài chân đế 0,4cm (*Hình 23*).

+ Đĩa TNB.2025.H2.Gm04: Vỡ chỉ còn một phần song vẫn đủ dáng. Miệng và thân loe vát, mép miệng vuốt tròn đều. Xương màu trắng xám, chắc, mịn. Men trắng, trong, rạn nhỏ, phủ kín thành trong và thành ngoài. Đế và đáy để mộc. Đế bằng, không có chân đế. Thành trong trang trí hai đường chỉ lam, 1 đường ở gần mép miệng và 1 đường ở phần thân giáp đáy. Khoảng giữa hai đường chỉ lam vẽ hoa lá cách điệu. Đáy có vết ve lòng. Kích thước: đường kính miệng 13cm, đường kính đáy 7cm, chiều cao 1,8cm.

- Gốm sứ thời Lê Trung hưng: chỉ có 1 mảnh chân đế bát, ký hiệu TNB.2025.H2.Gm01: Cao còn lại 3,6cm, đường kính mép ngoài chân đế 6,4cm, chiều cao thành ngoài chân đế 1,2cm.

* Đồ sành: Tổng số có 168 hiện vật, trong đó 10 hiện vật lon còn dáng, số còn lại là mảnh vỡ phần miệng, thân hoặc đáy của lon, bình (hoặc vò).

- Lon: Tất cả đều có dáng hình ống, phần thân thẳng đứng. Miệng tạo gờ nổi, mép miệng vẽ tròn dẹt, rất dày và chồm ra khỏi thân. Phần thân giáp miệng thường được trang trí bằng các đường chỉ chìm. Bên dưới đường chỉ chìm là hoa văn bập vắn dọc. Dựa vào hình dáng, lon được chia thành 3 loại:

+ Loại 1 - đường kính miệng từ 13 - 18cm, đường kính đáy từ 12,6 - 19cm, chiều cao từ 17,1 - 21,3cm. Hiện vật tiêu biểu ký hiệu TNB.2024.ST03: Lon dáng cao, còn nguyên. Mép miệng vuốt tròn, chồm ra khỏi thân. Giữa miệng và thân ngoài có vết lõm lòng máng nhẹ. Thân gần miệng có các đường chỉ chìm chạy song song. Thành ngoài có hoa văn bập vắn dọc. Đáy phẳng. Giữa miệng và thân bên trong có gờ nổi. Thành trong có các đường vuốt tay. Đường kính miệng 13cm, đường kính đáy 12,6cm, chiều cao 17,1cm, dày phần miệng 1,5cm. Bề mặt sành bị nổ do trong xương có sạn đầu ruồi (*Hình 24*).



Hình 22. Bát TNB.2025.H2.Gm02



Hình 23. Bát TNB.2025.H3.Gm01

(Nguồn: Tác giả)

+ Loại 2 - đường kính miệng 21 - 22cm, đường kính đáy 21,5 - 22cm, chiều cao 8 - 11cm. Hiện vật ký hiệu TNB.2024.ST05: dáng thấp, còn nguyên. Mép miệng vuốt tròn, chòm khỏi thân. Giữa miệng và thân có đường lõm lòng máng nhẹ. Thân gần miệng có 2 đường chỉ chìm. Đường kính miệng 21cm, đường kính đáy 21,5cm, cao 8cm (Hình 25).

+ Loại 3 - đường kính miệng từ 22 - 23cm, đường kính đáy từ 22 - 22,6cm, chiều cao từ 12,5 - 16cm. Hiện vật TNB.2025.ST.SA01: Lon dáng cao, còn nguyên vẹn. Mép miệng vuốt tròn, chòm khỏi thân. Giữa miệng và thân có đường lõm lòng máng nhẹ. Thân gần miệng có 2 đường chỉ chìm. Thân trang trí hoa văn bập vân dọc. Đường kính miệng 22cm, chiều cao 16cm, đường kính đáy 22,5cm. Thành miệng cao 2cm (Hình 26).



**Hình 24. Lon
TNB.2024.ST03**



Hình 25. Lon TNB.2024.ST05



**Hình 26. Lon
TNB.2025.ST.SA01**

(Nguồn: Tác giả)

* Hiện có 02 hiện vật súng thần công được phát hiện và đang được bảo quản, trưng bày tại Bảo tàng tỉnh. Hai khẩu súng có hình dáng và kích thước tương đối giống nhau, với chiều dài thân súng khoảng 145cm, đường kính phần đầu súng 18cm, và đường kính nòng 7cm (Hình 27).

Theo ông Nguyễn Văn Thư - chủ hộ sở hữu khu vườn trên sườn đồi, nơi diễn ra các cuộc khai quật năm 2024 (hố số 1 và 2) và năm 2025 (hố số 1) - tại khu vực này trước đây còn phát hiện thêm nhiều khẩu súng thần công cỡ nhỏ. Tuy nhiên, tất cả số súng đó đã bị bán đi nơi khác, gây khó khăn cho việc kiểm kê, phục dựng và nghiên cứu hệ thống vũ khí tại di tích.

* Đạn đá: có 1.880 hiện vật, hầu hết đang được lưu trữ tại bảo tàng tỉnh Tuyên Quang. Hình tròn hoặc gần tròn, bề mặt nhẵn hoặc hơi sần sùi. Dựa vào đường kính, đạn đá được chia thành các loại sau: Loại 1 từ 2,2 đến <2,5cm; Loại 2 từ 2,5 đến <3cm; Loại 3 từ 3 đến <3,5cm; Loại 4 từ 3,5 đến <4cm; Loại 5 từ 4 đến <5cm; Loại 6 từ 5 đến 6cm (Hình 28).

Sự đa dạng về kích thước đạn đá cho thấy vũ khí tại di tích có nhiều loại, có thể dùng cho các cỡ súng khác nhau. Với số lượng lớn đạn đá và súng thần công cho thấy di tích từng là khu vực có chức năng quân sự, hoặc được tổ chức phòng thủ quy mô tương đối lớn.



Hình 27. Súng thần công



**Hình 28. Đạn đá
(Nguồn: Tác giả)**

3. Một số nhận định bước đầu

Các nguồn sử liệu cho biết thành được khởi dựng khoảng đầu thế kỷ XVI. Kết quả khảo sát và khai quật cho thấy thành được xây dựng dựa theo địa hình tự nhiên của hai quả đồi Bông Thượng và Bông Hạ. Diện tích vòng thành trong theo tính toán bước đầu khoảng 55.660m², trong đó chiều dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam khoảng 460m, chiều rộng theo hướng Đông Bắc - Tây Nam khoảng 121m). Việc xây dựng đã tận dụng triệt để yếu tố địa hình để kiến tạo một hệ thống phòng thủ khép kín và kiên cố.

Kết quả thám sát, khai quật cho thấy kết cấu chân tường thành được kè bằng đá nhưng không hoàn toàn đồng nhất: có vị trí chỉ kè phía bên ngoài, có vị trí kè cả bên trong và bên ngoài. Tại những vị trí có hai hàng đá, mép ngoài các hàng đá cách nhau từ 3,4 - 3,6m. Rất có thể tại những khu vực địa hình phức tạp, địa chất không ổn định hoặc có vị trí quân sự trọng yếu thành sẽ được kè cả hai mặt trong, ngoài. Ngược lại các vị trí khác chỉ được kè phần chân tường bên ngoài.

Đá kè chân tường thành được chế tác cẩn thận: Phần mặt trên và cạnh ngoài phẳng nhẵn. Đá được đặt ngay ngắn, đặc biệt là mép ngoài được căn chỉnh thẳng hàng. Điều này không chỉ phản ánh kỹ thuật xây dựng chính xác và quy chuẩn, nó còn có tác dụng lớn trong việc giữ ổn định kết cấu phần tường bên trên, tránh sụp đổ hoặc nứt vỡ, cũng như sự xâm nhập từ bên ngoài.

Việc xây dựng không sử dụng chất kết dính. Phần chân tường thành đất được đầm chặt tạo độ kết dính tự nhiên, trong đất lẫn rất nhiều cuội, sỏi làm tăng độ vững chắc.

Ở những vị trí xuất lộ lớp lát nền, gạch dù sử dụng cả gạch lành và gạch vỡ nhưng luôn được xếp ngay ngắn, se khít nhau. Hơn nữa, bên dưới lớp gạch lát, đất được trộn gạch vỡ đầm lên rất chặt tạo mặt bằng. Điều đó làm cho lớp lát nền rất ổn định. Việc lát nền bằng gạch vỡ, trùm cả lên phần đá kè là ẩn số mà chúng tôi chưa giải thích được một cách thấu đáo. Phải chăng đây là vị trí các cửa thành hoặc cũng có thể đây là dấu tích đường đi trong thành. Bởi lẽ, phần chân tường thành thì chắc chắn không cần phải làm cầu kỳ đến như vậy.

Ở một số vị trí (hố 5 năm 2024 và hố 1 năm 2025) xuất hiện lớp ngói tương đối dày. Quá trình chỉnh lý, phân loại cho thấy có 2 loại ngói: ngói phẳng và ngói cong. Ngói phẳng hoàn toàn là ngói mũi nhọn, móc cài được tạo bởi kỹ thuật ấn vuốt bằng hai ngón tay. Ngói cong số lượng tìm thấy ít. Cùng với số lượng lớn mảnh ngói, sự xuất hiện của các loại gạch cho thấy trong thành có thể tồn tại các kiến trúc lớn, mái lợp ngói đất nung, nên có thể được lát gạch vuông, thậm chí một số vị trí còn được trang trí bằng gạch có hoa văn.

Sự xuất hiện của số lượng lớn đạn đá và súng thần công với nhiều kích cỡ khác nhau tại di tích cho thấy chức năng quân sự tương đối rõ ràng của tòa thành này.

Các loại hình đồ dùng sinh hoạt phát hiện được gồm gốm sứ, sành, có niên đại trải dài từ thế kỷ XVI đến XVII, phản ánh quá trình cư trú lâu dài, ổn định và liên tục của lực lượng trấn giữ và có thể cả dân cư trong thành.

Mặc dù nghiên cứu về thành nhà Bầu (Tuyên Quang) đã đạt được những kết quả quan trọng, song vẫn còn nhiều vấn đề khoa học cần tiếp tục làm sáng tỏ. Hiện chưa phát hiện được dấu tích kiến trúc nhà ở, hệ thống giao thông nội thành và ngoại thành. Bằng chứng về vị trí, cấu trúc các cửa thành, hào thành, thành ngoại cũng chưa được xác định. Vị trí khai thác và chế tác đá, các khu sản xuất vật liệu xây dựng, đồ dùng sinh hoạt và vũ khí chưa được tìm thấy. Một câu hỏi khác cần được giải đáp là liệu trong khu vực thành có sự hiện diện của bến thuyền hay không. Đây đều là những vấn đề gợi mở quan trọng, đặt nền tảng cho các đợt nghiên cứu tiếp theo.

Chú thích:

1. Kết quả nghiên cứu này thuộc Đề tài: *Thăm dò khảo cổ học di tích thành nhà Bàu (Tuyên Quang)*, mã số KCH/NV/2025-07 do Viện Khảo cổ học chủ trì, ThS. Nguyễn Đức Bình làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU DẪN

- BẢO TÀNG YÊN BÁI 2013. *Lý lịch di tích thành cổ Bắc Pha*. Tư liệu bảo tàng Yên Bái.
- ĐỖ VĂN NINH 1983. *Thành cổ Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- HÀ VĂN TẤN (chủ biên) 2002. Khảo cổ học Việt Nam, tập III. *Khảo cổ học lịch sử Việt Nam*.
- LÊ QUÝ ĐÔN 2007. *Kiến văn tiểu lục*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- LÝ MẠNH THẮNG, TRẦN VĂN XUYẾN, NGUYỄN ĐỨC BÌNH 2025. *Báo cáo khai quật khảo cổ tại di tích thành nhà Bàu năm 2024 (xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang)*. Tư liệu Bảo tàng Tuyên Quang.
- NGÔ SỸ LIÊN 1993. *Đại Việt sử ký toàn thư, tập III*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- NGUYỄN VĂN SIÊU 2001. *Phương đình dư địa chí*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN 2006. *Đại Nam nhất thống chí, tập 4*. Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- TRÌNH NĂNG CHUNG, BÙI VINH 1996. Khảo sát di tích thành nhà Bàu (huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 195-197.
- TRÌNH NĂNG CHUNG, LÝ MẠNH THẮNG 2014. *Báo cáo điều tra và đào thám sát khu vực thành nhà Bàu ở xã An Khang, thành phố Tuyên Quang*. Tư liệu Bảo tàng Tuyên Quang.
- TRÌNH NĂNG CHUNG 2021. Những di tích của Chúa Bàu bên dòng sông Lô, thành phố Tuyên Quang. Trong *Thông báo khoa học, số 2*. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

NHÀ BÀU WALL (TUYÊN QUANG): MATERIALS AND PERCEPTION

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Research on ancient walls, including Nhà Bàu wall, is of great significance in recreating the historical, political, military and architectural processes, while providing data for heritage conservation and affirming national cultural identity. Nhà Bàu wall was built by the Vũ family as a base to support the Lê dynasty against the Mạc dynasty in the context of the conflict between the North and South dynasties. The relic is also known as Bình Ca wall, located in Tân Thanh village, An Khang commune, Tuyên Quang city. The relic was surveyed in 1995, tested and excavated in 2013, 2024, and 2025. Initial research results show that the wall was built around the 16th century, based on the natural terrain of Bông Thượng and Bông Hạ hills. The inner wall has an estimated area of about 41,400m². The base of the wall was reinforced with stone, but not uniformly: in some places only the outer, in others both sides. In sections with two rows of stone blocks, the outer edges of the stone rows are 3.4 - 3.6m apart. The stone blocks were carefully crafted, and no adhesives were used in the construction. In some locations, the mallet-shaped brick floors were found. Within the site, many architectural materials, household utensils, and weapons were also found, reflecting the daily life and military activities inside the wall.